

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 01 – 2023

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Bửu Thương

2. Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuý Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 498/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 329/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Tuyết H**, sinh năm: 1994. (có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Khóm D, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Khóm F, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Lê Thanh D**, sinh năm: 1990. (vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Khóm D, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Khóm F, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Bùi Thị Tuyết Hương trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh D chung sống với nhau vào năm 2015 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện ST, tỉnh QN ngày 01/10/2015. Quá trình chung sống, chị và anh D phát sinh mâu thuẫn. Anh D có tình cảm với người phụ nữ khác. Ngoài thời gian làm việc, anh D không dành thời gian cho gia đình, không phụ chị nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung của chị và anh D. Dù đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn và được cha mẹ hai bên hoà giải, hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải quyết được. Chị và anh D đã ly thân từ tháng 8/2022 đến nay.

Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị xin ly hôn anh Lê Thanh D.

- Về con chung: Chị và anh Lê Thanh D có 02 người con chung tên Lê Thanh Trà M, sinh ngày 12/01/2017 và Lê Thanh Khả V, sinh ngày 02/02/2021. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị và anh Lê Thanh D tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh Lê Thanh D không có nợ chung.

Đối với anh Lê Thanh D: Tòa án đã tổng đạt cho anh D Thông báo thụ lý vụ án; thông báo cho anh D đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; nhiều lần triệu tập anh D đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh D vẫn không có mặt tại Tòa án theo thông báo, triệu tập của Tòa án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Tuyết H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Tuyết Hg và anh Lê Thanh D có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị H xin ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh D cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Anh D đã được triệu tập họp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án đến lần thứ hai mà anh D vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Bùi Thị Tuyết H và anh Lê Thanh D chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị H và anh D được pháp luật công nhận. Chị H xác định thời gian chị và anh D chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn. Đối với anh Lê Thanh D: Anh D đã được thông báo về việc chị H xin ly hôn, được thông báo, triệu tập đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng anh D vẫn vắng mặt không rõ lý do. Anh D cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Điều đó thể hiện anh D không có ý thức hàn gắn quan hệ với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh D xảy ra nhưng không ai có giải pháp hiệu quả để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do đó, dù có duy trì hôn nhân của chị H và anh D về mặt pháp lý thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không giải quyết được nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H ly hôn anh Lê Thanh D.

[3] Về con chung: Chị Hương xác định chị và anh Duy có 02 người con chung tên Lê Thanh Trà M, sinh ngày 12/01/2017 và Lê Thanh Khả V, sinh ngày

02/02/2021. Anh D không có ý kiến gửi Tòa án về việc anh có yêu cầu nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lê Thanh Trà M và Lê Thanh Khả V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Bùi Thị Tuyết H xác định chị và anh Lê Thanh D không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Tuyết H về việc xin ly hôn anh Lê Thanh D.

2 - Về con chung: Giao con chung của chị Bùi Thị Tuyết H và anh Lê Thanh D tên Lê Thanh Trà M, sinh ngày 12/01/2017 và Lê Thanh Khả V, sinh ngày 02/02/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Anh D không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Bùi Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 22/9/2022, chị H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai thu số 0001972) được đối trừ, chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Tuyết H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thanh D vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND xã TB, huyện ST, tỉnh QN.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân